

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
(nguồn vốn ngân sách địa phương).**

ỦY BAN NHÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách địa phương);

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 314/NQ-HĐND ngày 27/12/2023 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (nguồn vốn ngân sách địa phương);

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 277 /TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

Các nguồn vốn điều chỉnh

1. Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất 17.570,25 triệu đồng vốn bố trí kinh phí xử lý hạt thu năm 2019, 2020 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (giảm từ 114.020 triệu đồng xuống còn 96.449,75 triệu đồng).

2. Điều chỉnh tăng 17.570,25 triệu đồng vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới (từ kinh phí tiết kiệm chi và chi thường xuyên còn lại trong quá trình thực hiện dự toán năm 2022).

3. Đối với nguồn xổ số kiến thiết:

3.1. Điều chỉnh giảm 27.000 triệu đồng từ nguồn vốn dự phòng 10% (giảm từ 66.108 triệu đồng xuống còn 39.108 triệu đồng).

3.2. Điều chỉnh tăng 27.000 triệu đồng đầu tư cho 08 dự án đầu tư xây dựng trụ sở Công an xã, cụ thể:

(1) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã Ia Pior, huyện Chư Prông: 1.500 triệu đồng.

(2) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an thị trấn Ia Kha và xã Ia Krăi, huyện Ia Grai: 3.000 triệu đồng.

(3) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: H'ông, Bar Măih, Ia Ko và Ia Tiêm, huyện Chư Sê: 6.000 triệu đồng.

(4) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ: 1.500 triệu đồng.

(5) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Rsai, Uar và Chư Đrăng, huyện Krông Pa: 4.500 triệu đồng.

(6) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an Thị trấn Kon Dong và xã H'ra, huyện Mang Yang: 3.000 triệu đồng.

(7) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Piar và Chrôh Ponan, huyện Phú Thiện: 3.000 triệu đồng.

(8) Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Băng, Đak Krong và Kon Gang, huyện Đak Đoa: 4.500 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu 1 và phụ lục 1)

Điều 2. Căn cứ vào kế hoạch này, thủ trưởng các sở ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: Hà:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Kiểm toán nhà nước khu vực XII;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Website tỉnh;
- Lưu VT, CNXD, NL, KGVX, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trương Hải Long



Biểu 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó ngân sách tỉnh			Tổng số	Trong đó ngân sách tỉnh		
A	Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư													
I	Các dự án điều chỉnh giảm vốn						114.020	114.020	17.570,25		96.449,75	96.449,75		
1	Bổ trí kinh phí xử lý hụt thu năm 2019, 2020						114.020	114.020	17.570,25		96.449,75	96.449,75		
(1)	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới						114.020	114.020	17.570,25		96.449,75	96.449,75	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	
B	Kinh phí tiết kiệm chi và chi thường xuyên còn lại trong quá trình thực hiện dự toán năm 2022									17.570,25	17.570,25	17.570,25		
I	Điều chỉnh tăng vốn									17.570,25	17.570,25	17.570,25		
1	Bổ trí kinh phí xử lý hụt thu năm 2019, 2020									17.570,25	17.570,25	17.570,25		
(1)	Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới									17.570,25	17.570,25	(1) 17.570,25	Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	(1) Có phụ lục kèm theo
C	Xổ số kiến thiết													
I	Điều chỉnh giảm vốn						66.108	66.108	27.000	-	39.108	39.108		
(1)	Dự phòng						66.108	66.108	27.000		39.108	39.108		
II	Điều chỉnh tăng vốn									27.000	31.200	27.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an xã Ia Pior, huyện Chư Prông	Huyện Chư Prông	2024	Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	1.500	1.500					1.500	1.500	UBND huyện Chư Prông	
2	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an Thị trấn Ia Kha và xã Ia Krái, huyện Ia Grai	Huyện Ia Grai	2024	Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	6.000	3.000					(2) 6.000	3.000	UBND huyện Ia Grai	(2) Trong đó ngân sách huyện 3 tỷ đồng
3	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: H'bông, Bar Măih, Ia Ko và Ia Tiêm, huyện Chư Sê	Huyện Chư Sê	2024	Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	6.000	6.000					6.000	6.000	UBND huyện Chư Sê	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư vốn NSDP GD 2021-2025		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó ngân sách tỉnh			Tổng số	Trong đó ngân sách tỉnh		
4	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ	2024	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	1.500	1.500					1.500	1.500	UBND huyện Đức Cơ	
5	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Rсай, Uar và Chư Đrăng, huyện Krông Pa	Huyện Krông Pa	2024	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	4.500	4.500					4.500	4.500	UBND huyện Krông Pa	
6	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an Thị trấn Kon Dơng và xã H'ra, huyện Mang Yang	Huyện Mang Yang	2024	Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	4.200	3.000					(3) 4.200	3.000	UBND huyện Mang Yang	(3) Trong đó ngân sách huyện 1,2 tỷ đồng
7	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Piar và Chrôh Ponan, huyện Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	2024	Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	3.000	3.000					3.000	3.000	UBND huyện Phú Thiện	
8	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở Công an các xã: Ia Bắng, Đak Krong và Kon Gang, huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	2024	Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 27/12/2023	4.500	4.500					4.500	4.500	UBND huyện Đak Đoa	



Phụ lục 1

BỔ SUNG VỐN ĐỀ THU HỒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 825 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019	Bổ sung để thu hồi tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019	Tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 còn lại
	Tổng số	114.020	17.570,25	96.449,75
1	Thị xã Ayun Pa	7.600	1.171	6.429
2	Huyện Chư Păh	3.800	586	3.214
3	Huyện Phú Thiện	7.600	1.171	6.429
4	Huyện Ia Pa	7.600	1.171	6.429
5	Huyện Đak Pơ	11.400	1.757	9.643
6	Huyện Mang Yang	3.800	586	3.214
7	Huyện Đak Đoa	7.600	1.171	6.429
8	Huyện Đức Cơ	3.800	586	3.214
9	Huyện Kông Chro	3.800	586	3.214
10	Huyện Chư Puh	7.600	1.171	6.429
11	Huyện Chư Sê	3.800	586	3.214
12	Huyện Ia Grai	3.800	586	3.214
13	Huyện Chư Prông	3.800	586	3.214
14	Huyện Kbang	38.020	5.856,25	32.163,75